

Số: /TTr-CN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc
thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**

Kính gửi: Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Công nghiệp kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm là phải “bảo đảm truy xuất rõ nguồn gốc” như một giải pháp để kiểm soát chất lượng và xử lý sự cố. Việc xây dựng một hành lang pháp lý rõ ràng, bắt buộc về truy xuất nguồn gốc nhằm cụ thể hóa chỉ đạo chiến lược này của Đảng.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra yêu cầu phải “khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế”, “đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh” và “đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số”. Nghị quyết nêu rõ cần xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền, đảm bảo liên thông, tích hợp, chia sẻ.

- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới cũng nhấn mạnh yêu cầu “hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản” và “chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm”. Việc xây dựng một hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch, dựa trên nền tảng số giúp cơ quan nhà nước quản lý hiệu quả, đồng thời tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, bảo vệ các doanh nghiệp chân chính và thúc đẩy văn hóa kinh doanh tuân thủ pháp luật.

- Thủ tướng Chính phủ đã có các chỉ đạo, công tác quản lý an toàn thực phẩm được xác định là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, một vấn đề “bức xúc” của toàn xã hội cần được giải quyết triệt để.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Điều 4 và Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Bộ trưởng Bộ Công Thương có thẩm quyền ban hành Thông tư để “quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình”. Chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và thương mại điện tử đã được quy định tại Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15) quy định:

+ Khoản 2 Điều 6d quy định *“Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc TXNG là bắt buộc và do Bộ, cơ quan ngang Bộ xác định, có lộ trình thực hiện, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực của doanh nghiệp và đặc thù phát triển của từng ngành hàng”*. Các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương như rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật,... là những mặt hàng có khả năng gây mất an toàn, ảnh hưởng trực tiếp và trên diện rộng đến sức khỏe người tiêu dùng.

+ Các Điều 28, 34, 34a và 34b của Luật đã thiết lập một khung pháp lý liên tục, không gián đoạn, yêu cầu phải đảm bảo và minh bạch thông tin chất lượng từ khâu sản xuất (Điều 28), nhập khẩu (Điều 34), lưu thông trên thị trường (Điều 34a) cho đến kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử (Điều 34b). Các quy định này yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện ghi nhãn điện tử, cung cấp thông tin TXNG, mã số, mã vạch, do đó, việc xây dựng một hệ thống TXNG tập trung là công cụ kỹ thuật thiết yếu để thực thi các nghĩa vụ pháp lý này.

+ Khoản 7 Điều 17 của Luật quy định quyền của người tiêu dùng *“được truy xuất nguồn gốc, tra cứu, đối chiếu thông tin đầy đủ, minh bạch về đặc tính chất lượng, nguồn gốc xuất xứ... thông qua nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã số, mã vạch hoặc các phương tiện phù hợp khác”*. Điều 18 của Luật quy định nghĩa vụ của người tiêu dùng trong việc hợp tác thu hồi sản phẩm không an toàn. Các quy định này là cơ sở pháp lý để xây dựng các công cụ công nghệ cho phép người tiêu dùng tham gia giám sát và thực thi quyền của mình.

+ Điều 6 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi) thúc đẩy việc *“ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng”*, bao gồm *“quản lý chuỗi cung ứng thông qua... TXNG... và nền tảng số”*. Khoản 6 Điều 48 của Luật giao Chính phủ quy định *“cơ chế phối hợp, xây dựng, chia sẻ dữ liệu và vận hành hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia”*. Đồng thời, Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và

Công nghệ quy định về quản lý TXNG sản phẩm, hàng hóa đã thiết lập hành lang pháp lý cho việc xây dựng, quản lý và vận hành Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia, cũng như quy định các yêu cầu kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu và trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu. Việc ban hành Thông tư của Bộ Công Thương là cần thiết để chuyên môn hóa và triển khai các quy định này cho ngành hàng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

- Khoản 2 Điều 4 và Điều 21 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định quyền của người tiêu dùng được cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm; khoản 1 Điều 9, Điều 37 quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm, hàng hóa cho người tiêu dùng. Một hệ thống TXNG tập trung, bắt buộc, có sự tham gia giám sát của người tiêu dùng thông qua ứng dụng công nghệ là biện pháp hữu hiệu nhất để thực thi quyền này một cách thực chất.

2. Cơ sở thực tiễn

- Mô hình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm hiện nay chủ yếu dựa vào công bố chất lượng của doanh nghiệp và công tác hậu kiểm của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mô hình này có những bất cập, đã được các cơ quan chức năng, báo đài đưa tin trong thời gian qua.

- Vấn nạn hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ đang diễn biến phức tạp, đặc biệt trong ngành thực phẩm. Việc truy xuất nguồn gốc theo phương pháp thủ công, dựa trên giấy tờ không còn đủ sức răn đe và ngăn chặn. Một hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, tập trung sẽ xác thực được toàn bộ vòng đời sản phẩm. Điều này giúp giải quyết bài toán quản lý “hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ” một cách triệt để.

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội và việc quản lý nhà nước cũng không thể đứng ngoài xu thế này. Dữ liệu trong chuỗi cung ứng thực phẩm cũng năng động và phức tạp như dữ liệu thuế, đòi hỏi phải có công cụ quản lý tương xứng. Kinh nghiệm thành công từ việc triển khai bắt buộc hệ thống hóa đơn điện tử của ngành Tài chính đã chứng minh tính khả thi và hiệu quả vượt trội của một mô hình quản lý tập trung, dựa trên dữ liệu lớn. Việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm là hoạt động hợp lý, kế thừa kinh nghiệm và tận dụng thành tựu công nghệ để hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước của ngành Công Thương.

- Quá trình triển khai Đề án 06 về dân cư đã cho thấy những điểm cần cải thiện trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Bộ, ngành. Từ đó, Dự thảo Thông tư đã được thiết kế rõ cơ chế tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng quốc gia do Bộ Công an chủ trì và liên thông với các Bộ, ngành liên quan ngay từ giai đoạn đầu, nhằm tạo ra một hệ thống quản lý an toàn thực phẩm toàn diện, đồng bộ trên phạm vi quốc gia.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

- Thiết lập một hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ và hiệu lực để quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc thông qua một hệ thống điện tử tập trung, bắt buộc đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

- Nâng cao triệt để hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chuyển đổi phương thức quản lý từ bị động sang chủ động, phòng ngừa dựa trên việc phân tích dữ liệu theo thời gian thực, góp phần ngăn chặn từ sớm, từ xa các nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

- Bảo vệ sức khỏe và quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng, cung cấp công cụ minh bạch để người tiêu dùng có thể tự tra cứu, xác thực thông tin về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, đồng thời tạo kênh phản ánh hiệu quả để tham gia vào quá trình giám sát thị trường.

- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong các doanh nghiệp ngành thực phẩm, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của hàng hóa Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời và chính xác các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an toàn thực phẩm và chuyển đổi số. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của Dự thảo Thông tư với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Các quy định được xây dựng theo hướng rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện. Hệ thống công nghệ thân thiện với người dùng. Đồng thời, có các chính sách hỗ trợ cụ thể về công nghệ, tài chính và đào tạo để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn. Thông tư quy định một lộ trình áp dụng hợp lý, phân chia theo từng giai đoạn dựa trên quy mô của doanh nghiệp (lớn, vừa, nhỏ và siêu nhỏ), giúp giảm áp lực và tạo thời gian để các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có sự chuẩn bị và thích ứng.

- Kế thừa kinh nghiệm quốc tế và trong nước, đồng thời mạnh dạn áp dụng công nghệ hiện đại, xây dựng một hệ thống quản lý tiên tiến, hiệu quả, có tầm nhìn dài hạn, tránh các giải pháp trung gian, chắp vá.

- Bảo đảm tính kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng kiến trúc mở, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công Quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành khác, hướng tới một hệ thống quản trị quốc gia thống nhất.

- Chuyển mô hình quản lý, truyền nhận dữ liệu hai cấp (doanh nghiệp và nhà nước) sang mô hình quản lý dữ liệu tập trung trên Hệ thống TXNG sản phẩm

thực phẩm đặt trên nền tảng quản lý thương mại và thị trường của Bộ Công Thương để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Cục Công nghiệp đã triển khai các công việc sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo gồm đại diện các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. (Các nội dung theo Kế hoạch xây dựng Thông tư).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư sau khi Cục Công nghiệp tiếp thu ý kiến tham gia góp ý có 5 Chương và 23 Điều với các nội dung cơ bản sau:

1. Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Chương này có 4 Điều từ Điều 1 đến Điều 4 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và các nguyên tắc chung trong hoạt động TXNG sản phẩm thực phẩm. Trong đó có quy định các nguyên tắc chính sau: (1) Bắt buộc định danh sản phẩm và cập nhật liên tục dữ liệu vào Nền tảng quốc gia; (2) Nguyên tắc “một bước trước-một bước sau” trong chuỗi cung ứng; (3) Bắt buộc gắn mã truy xuất nguồn gốc thực phẩm trước khi xuất khẩu, lưu thông trên thị trường.

2. Chương II. QUẢN LÝ, KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM

Chương này có 8 Điều từ Điều 5 đến Điều 12 quy định về quy trình thực hiện định danh sản phẩm thực phẩm; vật mang dữ liệu; việc cập nhật thông tin của các sự kiện truy xuất; các hoạt động giám sát, kiểm tra và xử lý đối với sản phẩm thực phẩm vi phạm; việc lưu trữ hồ sơ, giấy tờ phục vụ hoạt động TXNG tại cơ sở. Trong đó có các quy định cụ thể về: (1) việc đăng ký cung cấp thông tin của cơ sở kinh doanh thực phẩm; (2) các nội dung thông tin cần cung cấp khi định danh sản phẩm và khi tham gia các sự kiện truy xuất; (3) các thông tin được cung cấp công khai khi sử dụng Công thông tin TXNG thực phẩm của Bộ Công Thương hoặc trên ứng dụng TXNG; (4) trình tự thủ tục tự thu hồi của cơ sở kinh doanh thực phẩm...

Trong đó có một số nội dung được tiếp thu, bổ sung vào nội dung Dự thảo để phục vụ công tác giám sát chất lượng như: (1) quy định cho trường hợp sản xuất công nghiệp với quy mô nhiều hơn 1.000 đơn vị sản phẩm cho một lô (mẻ), cơ sở kinh doanh thực phẩm phải cung cấp thêm Giấy chứng nhận/kết quả kiểm nghiệm nguyên liệu và thành phẩm của từng lô (mẻ) sản xuất đó; (2) Vật mang dữ liệu chứa mã truy xuất nguồn gốc thực phẩm có thể nằm trên hoặc trong bao

bì thương phẩm của sản phẩm thực phẩm, bảo đảm thiết bị có thể đọc được dữ liệu mã hóa.

3. Chương III. HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM

Chương này có 3 Điều từ Điều 13 đến Điều 15 quy định về Hệ thống TXNG thực phẩm; nguyên tắc hoạt động của Hệ thống TXNG thực phẩm của Bộ Công Thương; kết nối và chia sẻ dữ liệu liên ngành. Trong đó có quy định: (1) Hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm được đặt tại Nền tảng quản lý thương mại và thị trường của Bộ Công Thương; (2) Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số dùng chung của cơ quan nhà nước; bảo mật dữ liệu, phòng, chống lạm dụng thông tin; bảo vệ thông tin cá nhân, bí mật kinh doanh và các quy định pháp luật khác có liên quan; (3) Quản lý, phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu theo vai trò của từng cấp, đối tượng; (4) Hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm của Bộ Công Thương được thiết kế để kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống quản lý nhà nước khác, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và tránh trùng lặp,...

4. Chương IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Chương này có 3 Điều từ Điều 16 đến Điều 18 quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh thực phẩm; trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

5. Chương V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Chương này có 5 Điều từ Điều 19 đến Điều 23 quy định về nguồn kinh phí thực hiện; dự kiến lộ trình áp dụng chi tiết; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về công nghệ, đào tạo và tạo động lực thị trường; quy định chuyển tiếp, hiệu lực thi hành của Thông tư (dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/01/2026).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH

1. Về nguồn nhân lực

- Tại Trung ương: Bố trí đội ngũ cán bộ chuyên trách thuộc đơn vị thuộc Bộ có chức năng, nhiệm vụ phù hợp để xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống TXNG thực phẩm. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý hệ thống, phân tích dữ liệu và quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm cho cán bộ của các đơn vị thuộc Bộ.

- Tại địa phương và doanh nghiệp: Bộ Công Thương sẽ chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo khung. UBND các tỉnh, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan đầu mối tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cho các doanh nghiệp trên địa bàn về quy định pháp luật và kỹ năng sử dụng hệ thống.

2. Về nguồn lực tài chính

- Đối với Nhà nước: Kinh phí để xây dựng, nâng cấp và duy trì hoạt động của Hệ thống TXNG thực phẩm sẽ được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, lồng ghép trong các chương trình, đề án về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử của Bộ Công Thương; các nguồn vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp công nghệ tham gia cung cấp giải pháp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp tự đảm bảo chi phí đầu tư ban đầu cho việc áp dụng TXNG tại cơ sở (thiết bị, phần mềm nội bộ, vật mang dữ liệu).

3. Về hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm được đặt tại Nền tảng quản lý thương mại và thị trường của Bộ Công Thương. Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Công an để bảo đảm hạ tầng kỹ thuật hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn bảo mật và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về truyền, nhận dữ liệu định danh, xác thực điện tử của Bộ Công an.

- Cục Công nghiệp chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Khoa học Công nghệ và các công ty công nghệ xây dựng, quản lý, vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc thực phẩm của Bộ Công Thương bảo đảm hạ tầng công nghệ, đường truyền, các giải pháp kỹ thuật kết nối, chia sẻ dữ liệu và an ninh mạng cho toàn bộ hệ thống hoạt động thông suốt, hiệu quả.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

(Nội dung này sẽ được tổng hợp trong quá trình tiếp thu, xử lý ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan nếu có ý kiến chưa đồng nhất)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, Cục Công nghiệp kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (3) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Thông tư; (4) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Nguyễn Sinh Nhật Tân (để b/c);
- TTr. Trương Thanh Hoài (để b/c);
- Thành viên Tổ soạn thảo;
- Lưu: VT, TDTP, TST (anhle).

CỤC TRƯỞNG

Trần Việt Hòa